TÒA ÁN NHÂN NHÂN TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:210/2019/DS-PT
Ngày: 19-7-2019
V/v tranh chấp:"Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải.**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương.**

Bà **Trần Thị Kim Em.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Liễu Hạnh** - Thư ký Tòa án tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang*:** Ông **Trần Minh Hoàng** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2019/TLPT- DS ngày 27 tháng 05 năm 2019 về tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 27 tháng 03 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 202/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, (chị Hai O) sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: tổ D, khu phố D, phường E, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Thị L là Luật sư Nguyễn Tương L thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Tương L, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày*:*

Bà là chủ hụi nhiều dây hụi, bà L tham gia chơi hai dây hụi do bà làm chủ cụ thể:

- Dây hụi 1: Hụi khui ngày 30/01/2014 (âm lịch) hụi 03 tháng khui một lần, mỗi phần 5.000.000 đồng, dây hụi này bà L tham gia 01 phần. Đến kỳ hụi thứ 4

(ngày 30/9/2014 âm lịch) thì bà L đã bỏ thăm hụi với số tiền là 1.950.000 đồng và được hốt hụi với số tiền 64.850.000 đồng. Bà đã giao đủ số tiền này cho bà L. Sau khi hốt hụi bà L góp cho bà được 10 kỳ hụi chết (mỗi kỳ hụi chết là 5.000.000 đồng). Đến kỳ thứ 15 vào ngày 30/6/2017 thì bà L không góp tiếp hụi chết cho đến khi hụi mãn.

Như vậy dây hụi này bà L nợ bà số tiền hụi là 35.000.000 đồng (5.000.000 đồng × 1 phần × 7 kỳ).

- Dây hụi 2: Hụi khui ngày 10/8/2014 âm lịch, có 21 phần, hụi khui 03 tháng một lần, mỗi phần 5.000.000 đồng. Trong dây hụi này bà L tham gia chơi 01 phần. Đến kỳ hụi thứ 4 (ngày 10/4/2015) thì bà L đã bỏ thăm hụi với số tiền là 1.550.000 đồng và được hốt với số tiền 71.650.000 đồng. Bà đã giao đủ tiền hụi cho bà L. Sau khi hốt hụi bà L góp hụi chết cho bà được 3 kỳ hụi chết (mỗi kỳ 5.000.000 đồng) đến kỳ hụi thứ 8 (ngày 10/4/2016) bà L không góp tiếp hụi chết cho bà.

Như vậy dây hụi này bà L còn nợ bà số tiền hụi là 55.000.000 đồng (5.000.000 đồng × 01 phần × 11 kỳ), tạm tính đến ngày 10/10/2018 âm lịch.

Tổng cộng bà L nợ bà 02 dây hụi với số tiền là 90.000.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà L góp hụi chết cho bà nhưng bà L không thực hiện. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L (Chị Hai O) phải trả cho bà số tiền hụi là 90.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà có chơi 02 phần hụi 5.000.000 đồng, 3 tháng khui 01 lần, bà có hốt 01 phần vào ngày 10/8/2014. Còn lại 01 phần ngày 30/01/2014 bà chưa hốt. Đồng thời con của bà có tham gia 01 phần hụi 5.000.000 đồng (dây hụi khác) con bà kêu hốt nhưng không hốt được nên bà T đồng ý cho con bà đổi dây hụi để hốt. Bà với bà T đã thỏa thuận 01 phần hụi sống và 01 phần hụi chết của bà là bà còn thiếu lại bà T 25.000.000 đồng. Bà đã trả cho bà T là 03 tháng trả 5.000.000 đồng, trả 05 lần là 25.000.000 đồng như vậy bà khẳng định đã trả nợ cho bà T xong giữa bà và bà T không còn nợ nữa.

Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 27 tháng 03 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

Buộc bà Nguyễn Thị L (tên thường gọi chị Hai O) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền là 90.000.000 đồng (*chín mươi triệu đồng*), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà L chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 10/04/2019 bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên quyết định án sơ thẩm đã xử. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ cho quyền lợi của bị đơn Nguyễn Thị L phát biểu ý kiến cho rằng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ dây hụi khui ngày 10/8/2014 âm lịch khi chưa mãn hụi là chưa phù hợp. Án sơ thẩm căn cứ vào lời khai các nhân chứng để buộc bị đơn trả nợ hụi là không có cơ sở vì một số nhân chứng không có tên trong danh sách hụi viên, không biết rõ chị Lùng hốt hụi, đóng hụi ra sao, lời khai không khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn có cung cấp chứng cứ mới về danh sách hụi viên của dây hụi khui ngày 30/01/2014 âm lịch trong danh sách có tên Bé 5 mở ngoặc 2 O là người hốt hụi ngày 30/9 sau năm 2014. Nguyên đơn cũng thừa nhận danh sách này do nguyên đơn lập và tên Bé 5 (2 O) là con bị đơn có tham gia dây hụi này. Đây là chứng cứ mới nhưng chưa được tòa sơ thẩm làm rõ có phải Bé 5 hốt dây hụi này hay bà L hốt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã G xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký tòa án từ khi thụ ký vụ án đến trước thời điểm chuẩn bị nghị án đều tiến hành đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Án sơ thẩm xử buộc bà L trả cho bà T tiền nợ của hai dây hụi là có cơ sở. Tuy nhiên phần án phí sơ thẩm thì do bà L là người cao tuổi nên cho bà được miễn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, lời bào chữa của luật sư và ý kiến nhận xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị L thực hiện quyền kháng cáo bản án đúng theo trình tự, thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được tiến hành xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả tiền nợ hụi nên Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" là đúng với tính chất vụ án, thuộc phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 3, Điều 5, Điều 10, Điều 280, 282, 463, 466 và Điều 471 của Bộ luật dân sự. Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[3] Về nội dung nguyên nhân phát sinh tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 35.000.000 đồng tiền nợ của dây hụi khui ngày 30/01/2014 âm lịch và 55.000.000 đồng tiền nợ của dây hụi khui ngày 10/8/2014 âm lịch do nguyên đơn làm chủ hụi vì bị đơn đã hốt hết hụi mà không đóng hụi chết. Bị đơn thừa nhận có tham gia 01 phần hụi 5.000.000 đồng trong tổng số 21 phần do nguyên đơn làm chủ khui ngày 30/01/2014 âm lịch và 01 phần hụi 5.000.000 đồng trong tổng số 21 phần khui ngày 10/8/2014 âm lịch như nguyên đơn trình bày nhưng cho rằng dây hụi khui ngày 30/01/2014 âm lịch bà L chưa hốt hụi, còn dây hụi khui ngày 10/8/2014 âm lịch bà hốt kỳ thứ 4 vào ngày 10/4/2015 âm lịch được 71.650.000 đồng, phần nợ của dây hụi này bà đã thỏa thuận với bà T khấu trừ phần hụi sống của dây hụi khui ngày 30/01/2014 âm lịch mà bà chưa hốt nên còn thiếu lại bà T 25.000.000 đồng, sau đó bà đã trả cho bà T 5 lần mỗi lần 5.000.000 đồng như vậy bà đã trả xong.

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T, buộc bị đơn Nguyễn Thị L trả cho bà T 90.000.000 đồng tiền nợ hụi. Ngày 10/4/2019 bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa

án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà L và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy: Nguyên đơn bà T và bị đơn bà L đều thống nhất lời khai và xác định bà Nguyễn Thị L còn gọi là chị Hai O có tham gia 02 dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim T làm chủ. Dây thứ nhất khui ngày 30/01/2014 âm lịch có 21 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, ba tháng khui một lần, bà L tham gia một phần. Dây thứ hai khui ngày 10/8/2014 âm lịch có 21 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, ba tháng khui một lần bà L cũng tham gia một phần.

Tuy nhiên phía bà T trình bày: Ở dây hụi thứ nhất khui lần thứ 4 vào ngày 30/9/2014 âm lịch bà L bỏ thăm 1.950.000 đồng hốt được 64.850.000 đồng bà đã giao đủ tiền hụi cho bà L sau đó bà L đóng được 10 kỳ hụi chết mỗi kỳ 5.000.000 đồng. Đến kỳ thứ 15 khui ngày 30/6/2017 thì ngưng luôn cho đến khi mãn hụi nên bà L còn nợ bà 07 kỳ hụi chết bằng 35.000.000 đồng. Đối với dây hụi thứ hai bà L bỏ thăm ở kỳ thứ 4 khui ngày 10/4/2015 số tiền 1.550.000 đồng hốt được 71.650.000 đồng bà đã giao đủ tiền hụi cho bà L. Sau đó bà L đóng hụi chết được 03 kỳ mỗi kỳ 5.000.000 đồng. Đến kỳ khui hụi lần thứ 8 ngày 10/4/2016 thì bà L không đóng hụi chết cho bà nữa. Tính đến ngày 10/10/2018 thì bà L còn nợ bà 11 kỳ hụi chết là 55.000.000 đồng. Tổng cộng bà L còn nợ bà 2 dây hụi là 90.000.000 đồng.

Bà L thừa nhận có hốt dây hụi khui ngày 10/8/2014 âm lịch như bà T trình bày, còn dây hụi khui ngày 30/01/2014 âm lịch thì bà chưa hốt. Con gái bà là Trần Thị D (Bé 5) có tham gia 01 phần hụi 5.000.000 đồng do bà T làm chủ nhưng không hốt được nên bà T đồng ý cho con bà đổi dây hụi để hốt. Bà và bà T đã thỏa thuận cấn trừ phần hụi sống của bà với phần hụi chết bà đã hốt nên còn thiếu bà T 25.000.000 đồng, sau đó bà đã trả cho bà T xong nên không còn nợ.

[5] Xét thấy bị đơn hoàn toàn không thừa nhận đã hốt phần hụi của dây hụi khui ngày 30/01/2014 âm lịch. Nguyên đơn cũng không chứng minh bị đơn đã hốt phần hụi của dây hụi khui ngày 30/01/2014 âm lịch ở kỳ khui thứ 4 và đã giao tiền hụi cho bà L như bà T trình bày.

Tại Tòa sơ thẩm bà L khai dây hụi khui ngày 30/01/2014 âm lịch bà chưa hốt mà do con gái bà tên Trần Thị D (tên thường gọi Bé 5) hốt còn phần hụi của bà thì bà đã thỏa thuận với bà T trừ phần hụi chết bà đã hốt dây hụi khui ngày 10/8/2014 âm lịch. Bà yêu cầu Tòa án đưa con gái bà tham gia đối chất nhưng không được Tòa sơ thẩm chấp nhận.

Tại Tòa phúc thẩm bị đơn Nguyễn Thị L cung cấp danh sách hụi viên tham gia dây hụi khui ngày 30/01/2014 âm lịch. Theo danh sách bà L cung cấp ở vị trí

thứ 12 tên Bé 5 (2 O) có ghi "30-9-sau-2014 kêu 1.950.000 đồng". Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T thừa nhận danh sách hụi viên được bà L cung cấp tại tòa là do chị lập và tên Bé 5 (2 O) là con gái của bà L có tham gia dây hụi này. Xét thấy đây là chứng cứ mới cần phải đưa Bé 5 (2 O) tên thật là Trần Thị D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới giải quyết vụ án chính xác, toàn diện, đúng quy định của pháp luật. Do Tòa sơ thẩm chưa xác định đưa Bé 5 (2 O) có tên trong danh sách hụi viên tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ nội dung vụ án, giải quyết toàn diện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của những người tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy cần phải hủy án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã G giải quyết lại.

Do hủy án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã G xét xử lại nên Hội đồng xét xử chưa xét đến yêu cầu kháng cáo của bà L. Về án phí phúc thẩm người kháng cáo không phải chịu theo Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự nên trả lại cho bà L.

Về ý kiến đề nghị của Luật sư bảo vệ cho quyền lợi của bà L là có cơ sở được chấp nhận.

Về ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, khoản 3 Điều 308, Điều 313, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Về án phí:

- Người kháng cáo là bị đơn Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên trả lại cho bà L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002253 ngày 10/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G tỉnh Tiền Giang.

- Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- VKSND thị xã G;
- CC THADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Hoàng Khải